

Bản án số: 119/2023/HS-PT
Ngày: 27-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Phú.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng;

Ông Nguyễn Hữu Thịnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Ly Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2023/HS-PT ngày 24 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích T, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2023/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- **Bị cáo có kháng cáo:** **Nguyễn Thị Bích T**, sinh ngày 25/01/1993, tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: khối 5, phường An Sơn, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Lưu, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1967; có chồng là Trương Như Ý và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Bị cáo nguyên là đảng viên Đảng CSVN đã bị kỷ luật khai trừ ra khỏi đảng – theo Quyết định số 78-QĐ/UBKTTU, ngày 03/3/2023 của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại có kháng cáo:** **Công ty TNHH H;**

Địa chỉ: khối 2, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Minh Châu – Phó giám đốc (theo Giấy ủy quyền ngày 19/11/2021 của Giám đốc Công ty). Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Bích T được Công ty TNHH H (Sau đây gọi tắt là: Công ty) nhận vào làm nhân viên kế toán của Công ty và hưởng lương mỗi tháng là 4.000.000 đồng từ ngày 01/4/2021 nhưng không ký kết hợp đồng lao động. Nhiệm vụ của T được giao là kiểm tra hàng nhập vào của Công ty, theo dõi và quản lý các đơn hàng từ nhân viên bán hàng (nhân viên sale), trực tiếp thu tiền bán hàng và theo dõi công nợ của công ty tại mặt hàng nước giải khát hiệu Woderfarm và mặt hàng tã JO. Hằng ngày các nhân viên sale sẽ gửi đơn hàng của từng khách hàng về cho T để tổng hợp, lên đơn toa hàng và đưa xuống bộ phận kho của công ty để

nhân viên kho xuất hàng ra khỏi kho theo đơn hàng của T. Sau đó các nhân viên giao hàng sẽ vận chuyển đến giao cho từng khách hàng trên cơ sở các toa hàng T giao. Nhân viên giao hàng sẽ trực tiếp thu tiền bán hàng về giao cho T ngay trong ngày hoặc chậm nhất là ngày hôm sau. Đối với khách hàng đã thanh toán đủ tiền hàng thì nhân viên giao hàng sẽ ký xác nhận trên toa hàng và giao cho khách hàng giữ toa, nếu khách hàng chưa thanh toán hoặc thanh toán một phần đơn hàng thì khách hàng ký xác nhận nợ vào toa và giao lại cho nhân viên giao hàng về giao lại cho T. Đối với khách hàng còn nợ, T sẽ giao lại cho nhân viên sale phụ trách khách hàng để trực tiếp thu khoản nợ còn lại. Riêng mặt hàng Wonderfarm, nhân viên sale là người chịu trách nhiệm công nợ với Công ty. Số tiền nhân viên sale thu công nợ từ khách hàng và tiền bán hàng sẽ đem về đưa trực tiếp cho T để cuối ngày làm việc T sẽ tổng hợp nộp lại cho Công ty sau khi kế toán quỹ kiểm tra, đối chiếu với sổ nộp tiền của nhân viên do T ghi, theo dõi.

Trong thời gian đầu làm việc, T luôn thực hiện đúng các quy trình xuất nhập hàng và báo cáo số liệu tài chính cho Công ty. Bắt đầu từ tháng 5 năm 2021, lợi dụng sự tin tưởng của Công ty và những sơ hở trong khâu quản lý nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Từ đầu tháng 5/2021 đến tháng 8/2021, khi các nhân viên Sale thu công nợ khách hàng ngoài thị trường về đưa cho T nhưng T không ghi vào sổ, không nộp tiền lại cho Công ty mà chiếm đoạt sử dụng cho mục đích cá nhân, cụ thể:

Tại nhãn hàng tả JO, T đã chiếm đoạt tiền thu công nợ của Công ty đối với 10 khách hàng gồm: “*Mẹ và bé Nhã Phương*” số tiền 4.900.000 đồng; “*Thanh Tân-Tam Vinh*” số tiền 765.000 đồng; “*Phuong Nguyên*” số tiền 1.680.000 đồng; “*Thủy Định*” số tiền 4.291.000 đồng; “*Sop nyna baby*” số tiền 1.335.000 đồng; “*KIKI*” số tiền 3.601.000 đồng; “*Khánh Vân*” số tiền 8.724.000 đồng; “*Anh Bình Sáu Thiên*” số tiền 384.000 đồng; “*Vinh Cúc*” số tiền 2.440.000 đồng; “*Việt Hương*” số tiền 11.000.000 đồng. Tổng số tiền T chiếm đoạt tại nhãn hàng tả JO là 39.120.000 đồng.

Tại nhãn hàng nước giải khát Wonderfarm, T đã chiếm đoạt số tiền thu nợ từ các nhân viên Sale nộp về cho Công ty. Để che dấu hành vi chiếm đoạt tiền, ngày 21/8/2021 T đã liên lạc nhờ các nhân viên Sale Trần Văn Trường, Đặng Văn Hải và Dương Thị Sử xác nhận công nợ với Công ty theo số tiền mà T báo cáo về Công ty nhằm che dấu số tiền chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Đối với nhân viên Sale Trần Văn Trường: Ngày 21/8/2021, T nhắn tin cho Trường nhờ xác nhận Công nợ với Công ty là 32.000.000 đồng và Trường đã đồng ý. Sau đó, T tiếp tục nhờ Trường xác nhận với Công ty số tiền nợ là 41.000.000 đồng nhưng do lúc này biết T chiếm đoạt tiền của nhà phân phối nên Trường không đồng ý. Theo tài liệu của Công ty cung cấp thì công nợ chốt ngày 23/8/2021 của Trường là 41.230.078 đồng, trong đó số tiền mà T thừa nhận kê không cho Trường là 24.048.000 đồng.

Đối với nhân viên Sale Đặng Văn Hải: Ngày 21/8/2021 T nhắn tin cho Hải nhờ xác nhận công nợ với Công ty là 16.000.000 đồng và được Hải đồng ý. Theo tài liệu của Công ty cung cấp thì công nợ chốt ngày 23/8/2021 của Hải là 16.720.960 đồng, trong đó số tiền mà T thừa nhận kê không cho Hải là 13.360.000 đồng.

Đối với nhân viên Sale Dương Thị Sử: Ngày 21/8/2021 T gọi điện nhờ Sử xác nhận công nợ với Công ty là 4.400.000 đồng nhưng Sử không đồng ý. Theo tài liệu của Công ty cung cấp thì công nợ chốt ngày 23/8/2021 của Sử là 5.811.356 đồng, trong đó số tiền mà T thừa nhận kê không cho Sử là 4.765.000 đồng. Đây là số tiền bán hàng của hai đơn hàng ngày 01, 02 tháng 7/2021 đã được khách hàng thanh toán, nhân viên Sale đưa tiền cho T nhưng T không nộp lại cho Công ty mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Như vậy, Nguyễn Thị Bích T đã chiếm đoạt của Công ty TNHH H tại nhân hàng tả JO và mặt hàng nước giải khát Wonderfarm là 81.325.000 đồng.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2023/HS-ST ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T 03 (*Ba*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/3/2023, bị cáo Nguyễn Thị Bích T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đại diện hợp pháp cho bị hại Công ty TNHH H là bà Nguyễn Thị Minh Châu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị Bích T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) đối với bị cáo và xử phạt bị cáo 03 năm tù là có căn cứ pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, tuy nhiên, bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, thành khẩn khai báo, năn năn hối cải, lần đầu phạm tội, được bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bích T và bị hại Công ty TNHH H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2023/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, giảm hình phạt tù cho bị cáo .

Bị cáo Nguyễn Thị Bích T không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Bích T và bị hại Công ty TNHH H có đơn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo và bị hại là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Bích T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở

kết luận: bị cáo Nguyễn Thị Bích T là người có nhiệm vụ kiểm tra hàng nhập vào, theo dõi và quản lý các đơn hàng từ nhân viên bán hàng, trực tiếp thu tiền bán hàng và theo dõi công nợ tại mặt hàng tả JO và nước giải khát Wonderfarm của Công ty TNHH H. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 8/2021 bị cáo đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn của mình từ công việc được giao để chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH H. Bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt số tiền của Công ty TNHH H tại mặt hàng tả JO và mặt hàng nước giải khát Wonderfarm với số tiền tổng cộng là 81.325.000 đồng. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2023/HS-ST ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã kết án bị cáo Nguyễn Thị Bích T về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Bích T và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T của Công ty TNHH H, thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) đối với bị cáo và xử phạt bị cáo 03 năm tù là có căn cứ pháp luật và không nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã tuyên.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị Bích T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bích T và bị hại Công ty TNHH H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2023/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam về hình phạt.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T 03 (Ba) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Thị Bích T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/6/2023).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- CQTHAHS CA H. Núi Thành;
- CQCSĐT CA H. Núi Thành;
- VKSND H. Núi Thành;
- TAND H. Núi Thành;
- Chi cục THADS H. Núi Thành;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Q. Nam;
- Phòng HSNV Sở Tư pháp Q. Nam;
- Bị cáo; bị hại.
- Lưu HSVA, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Phú

Các Thẩm phán

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

